

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DSPT

Ngày: 06/01/2025

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Hoàng Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 90/2024/TLPT- DS ngày 16/12/2024 về “Tranh chấp kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2024/QĐ-PT ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956 (vắng mặt).

HKTT: Khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tá U, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Dương Thị L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Dương T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

4. Chị Đinh Thị Ngọc L1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chị Dương Thị Yến V, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị L, anh T, chị L1, chị V: Ông Nguyễn Tá U, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

6. Anh Dương Trí V1, sinh năm 2011 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ của anh V1: Chị Đinh Thị Ngọc L1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì có nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tá U trình bày: Bà Nguyễn Thị S kết hôn với ông Nguyễn Văn H1 (tức Dương H2) năm 1973. Sau khi kết hôn bà S và ông H2 sinh sống cùng mẹ chồng bà S là cụ Dương Thị D trên thửa đất số 63, tờ bản đồ 19, diện tích 502m² tại

B, N, Q, Bắc Ninh. Thửa đất này có nguồn gốc là của cụ D1 và cụ D là bố mẹ đẻ ông H2. Khi còn sống các cụ đã cho vợ chồng bà S thửa đất này. Trong thời gian sinh sống trên thửa đất vợ chồng bà S có xây một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên thửa đất. Năm 1984, do đi làm ăn xa nên đã cho ông Nguyễn Văn O là cháu họ ông H2 đến ở nhà trên thửa đất. Năm 2003, do công trình trên thửa đất xuống cấp nên ông H2, bà S đồng ý cho ông O phá bỏ công trình trên đất đi để trồng hoa màu. Từ đó, ông O không ở trên thửa đất nữa và làm nhà trên thửa đất khác do cha ông để lại.

Năm 2007, thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Q, vợ chồng bà S đã làm thủ tục kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 05/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 cho thửa đất số 63, tờ bản đồ 19, diện tích 502m² có địa chỉ tại thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu phố B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh) mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Quá trình ông H1, bà S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có khó khăn hay có ý kiến gì của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Thời gian này, do gia đình bà S đi làm xa không về lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Nguyễn Văn O là cháu họ của ông H1 đã tự ý nhận và ký vào sổ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà S. Từ khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H1, bà S đến nay ông O chiếm giữ trái phép không trả lại cho gia đình bà S mặc dù gia đình bà S đã nhiều lần gặp ông O để xin lại. Vì vậy, bà Nguyễn Thị S đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn O phải trả cho bà toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh và trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 05/11/2007 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m².

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S đã rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn O phải trả cho bà toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh mà bà chỉ đề nghị Tòa án buộc ông O trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 05/11/2007 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m². Và bà đề nghị Tòa án tuyên nếu ông O không trả lại cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên

thì bà Nguyễn Thị S là đại diện hộ gia đình được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn O trình bày: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S là do ông bỏ tiền ra để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất này là của ông bà nội ông để lại. Khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông là người làm và kê khai tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Hiện nay, ông là người đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Việc ông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S không liên quan đến ai trong gia đình ông. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S ông không đồng ý. Vì ông H1 và bà S cùng các con của ông H1, bà S đã chuyển vào sinh sống tại Đồng Nai từ năm 1984 đến nay và hiện nay không ở và không có hộ khẩu tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, ông H1 và các con đã chuyển sang họ D2 không còn là họ Nguyễn Văn N nên không có quyền gì đối với đất của cha ông để lại. Từ khi hộ ông S, bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay ông không có khiếu nại hoặc khởi kiện tới bất cứ cơ quan nhà nước nào về việc hộ ông H1 và bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ông cũng không có tranh chấp đất đối với bà S. Thửa đất nêu trên hiện nay vẫn là đất trống. Ông và gia đình hiện đang sinh sống ở thửa đất khác. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông trả lại cho bà S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 153351 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 05/11/2007 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² là không có cơ sở, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S. Ông yêu cầu bà S nếu muốn lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà cùng các con phải quay về làm nhà trên thửa đất đó để sinh sống thì ông sẽ trả lại nhưng bà S không về. Hiện nay, bà S cùng các con không có hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Nếu bà S muốn lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và muốn có quyền định đoạt thửa đất thì phải bồi thường cho ông số tiền 1.000.000.000đ.

Đối với số tiền ông đã nộp thuế sử dụng đất thay ông H1, bà S từ trước đến nay ông không yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại ông.

Đối với thông báo nộp tiền tạm ứng án phí mà Tòa án yêu cầu ông nộp đối với yêu cầu của ông đòi bà S phải bồi thường 1.000.000.000đ ông cho rằng ông là bị hại nên không có nghĩa vụ phải nộp số tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án.

Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 200; 227; 228; 244; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; Điều 110; Điều 166; Điều 279 và Điều 356 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 28 tại Văn bản hợp nhất số 1357/VBHN- BTP ngày 14/4/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn O phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² tại thôn B, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện Q (nay là thị xã Q) cấp ngày 05/11/20007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S cho hộ bà Nguyễn Thị S (gồm bà Nguyễn Thị S, anh Dương H, chị Dương Thị L, anh Dương T, chị Đinh Thị Ngọc L1, chị Dương Thị Yến V, anh Dương Trí V1). Giao cho bà S tạm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Nếu ông Nguyễn Văn O không giao trả bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho hộ bà Nguyễn Thị S thì hộ gia đình bà S (do bà Nguyễn Thị S đại diện) có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn O phải trả lại cho bà S toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² đất tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bà S có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án sơ thẩm xử ngày 18/9/2024, bị đơn là ông Nguyễn Văn O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn là ông O thừa nhận thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² không phải của ông và ông yêu cầu nếu gia đình bà S về ở trên thửa đất đó thì ông sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S, còn nếu bà S bán thửa đất trên và không sử dụng thì ông không đồng ý.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn O nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² đất tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/2007 cho hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Tuy nhiên, từ khi được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay thì ông Nguyễn Văn O vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Mặc dù, bà S đã nhiều lần yêu cầu ông O trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho gia đình bà nhưng ông O không trả do vậy bà S khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ buộc ông Nguyễn Văn O trả lại cho gia đình bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp đối với thửa đất nêu trên. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, bị đơn là ông Nguyễn Văn O kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bị đơn là ông O Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² đất tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc là của bố mẹ chồng bà S để lại. Theo nguyên đơn là bà S trình bày khi bà lấy ông H1 vợ chồng bà đã sinh sống trên thửa đất này cùng cụ D3 và cụ D từ năm 1973 cho đến năm 1984 thì gia đình bà đi làm ăn xa nên có nhờ ông O là cháu trông coi thửa đất này. Từ khi gia đình bà S đi làm ăn xa thì ông O có ở trên đất một thời gian sau đó không ở nữa mà chỉ sử dụng để trồng cây cối.

Đến năm 2007, thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Q thì ông H1, bà S đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thị xã Q) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S. Sau khi được cấp giấy, do gia đình bà S ở xa nên không về lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông O là cháu của ông bà đã tự ý lấy và giữ giấy chứng nhận của gia đình bà từ đó đến nay.

Ông O cho rằng thời điểm đó ông là người đứng ra làm thủ tục để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đều ký tên ông. Tuy nhiên, theo tài liệu mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q đều thể hiện tên trong các giấy tờ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều ký và ghi là ông Nguyễn Văn H1. Do đó, ông O trình bày đều ký tên ông O là không đúng.

Không những thế, sau khi hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông O là người ra lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biết rõ thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S nhưng ông O không có bất cứ ý kiến thắc mắc gì và ông O cũng không khởi kiện gì về việc thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S.

Sau khi ông H1, bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H1, bà S không ủy quyền cho ông O nhận thay ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông O đã tự ý đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông

H1, bà S và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay là không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Như vậy, ông O đang chiếm giữ trái phép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thị xã Q) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S và bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông O trả lại bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² tại thôn B, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện Q (nay là thị xã Q) cấp ngày 05/11/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S và đề nghị Tòa án tuyên trong trường hợp ông O không trả lại cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên thì bà Nguyễn Thị S là đại diện hộ gia đình được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Ông O kháng cáo nhưng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa ông O không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho kháng cáo của ông là có căn cứ nên cần bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông O và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Do kháng cáo của ông O không được chấp nhận nên ông O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 200; 227; 228; 244; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; Điều 110; Điều 166; Điều 279 và Điều 356 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 28 tại Văn bản hợp nhất số 1357/VBHN- BTP ngày 14/4/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn O phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² tại thôn B, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện Q (nay là thị xã Q) cấp ngày 05/11/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị S cho hộ bà Nguyễn Thị S (gồm bà Nguyễn Thị S, anh Dương H, chị Dương Thị L, anh Dương T, chị Đinh Thị Ngọc L1, chị Dương Thị Yến V, anh Dương Trí V1). Giao cho bà S tạm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn O không trả bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 153351 của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² tại thôn B, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh cho hộ bà Nguyễn Thị S thì hộ gia đình bà S (do bà Nguyễn Thị S đại diện) có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn O phải trả lại cho bà S toàn bộ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 502m² đất tại khu B, phường N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bà S có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông O đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000658 ngày 18/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

Bà Nguyễn Thị S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TX Quế Võ;
- Chi cục THADS TX Quế Võ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Trường